TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 245/2023/DS-PT
Ngày: 04 - 5 - 2023
V/v: "Tranh chấp yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung, tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/4/2023 và 04/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 422/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung, tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3301/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hoàng Thế T1 – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- *Bị đơn*:

1/Bà Diệp Thanh T2, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Diệp Thanh Y, sinh năm 1992 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2/Ông Nguyễn Vy Bá V, sinh năm 1979 (có mặt)

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đoàn Trọng N1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt)

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2/Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt);

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3/Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt)

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4/Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5/Bà Đỗ Ánh N2 (H4), sinh năm 1977 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961.

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6/Ông Nguyễn Đăng P, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cư trú tại: Số 11/1, L, Phường x6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt)

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

7/Bà Nguyễn Thị Thu T5, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

8/Ông Nguyễn Công T6, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

9/Bà Nguyễn Thị Mai T7, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

10/Ông Đào Mai S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 10 (tầng 1), N, Phường x1, thành phố Đ., tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

11/Ông Nguyễn Văn H8, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cư trú tại: Số 59/24, đường N, Phường X11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

12/Ông Nguyễn Phúc Q, sinh năm 1977 (có mặt).

13/Bà Lâm Ngọc Thiên H9, sinh năm 1979 (có mặt)

14/Bà Nguyễn Diệp Thanh Y, sinh năm 1992 (có mặt)

15/Bà Nguyễn Ngọc Bảo T10, sinh năm 1999 (có mặt ngày 25/4/2023, vắng mặt ngày 04/5/2023)

Cùng trú tại: Số 10 (tầng trệt), đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

16/Ông Nguyễn Hồ Vĩnh H11, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Cư trú tại: Số 10 (tầng 1), đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng..

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

17/Cháu Nguyễn Hồ Vĩnh H12, sinh năm 2000

Cư trú tại: Số 10 (tầng 1), đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cháu H12 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

18/Cháu Nguyễn Đăng Quang M13, sinh năm 2000

Cư trú tại: Số 10 (tầng 1), đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cháu M13 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

19/Cháu Nguyễn Đăng Quang M14, sinh năm 2004

Cư trú tại: Số 10 (tầng 1), đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của cháu M14: Bà Nguyễn Thị Thu T5 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cư trú tại: Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

20/Cháu Nguyễn Đỗ Minh K, sinh năm 2005

Cư trú tại: Số 10 (tầng 1), đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của cháu K: Ông Nguyễn Văn C1 và bà Đỗ Ánh N2 (H4).

21/Ủy ban nhân dân thành phố Đ

Địa chỉ: Số 02, đường T, Phường X8, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thiện S1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T14 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

22/Văn phòng Công chứng T15

Địa chỉ: Số 52, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T15 – Chức vụ: Trưởng Văn phòng Công chứng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23/Bà Nguyễn Thị Minh N7, sinh năm 1976 (có mặt).

Cư trú tại: M (Block T4A) 159 X, phường T, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà N2: Luật sư Cao Thị L2 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H; Bà Diệp Thanh T2 và ông Nguyễn Vy Bá V; Ông Nguyễn Phúc Q, bà Lâm Ngọc Thiên H9, bà Nguyễn Diệp Thanh Y, bà Nguyễn Ngọc Bảo T10; Bà Nguyễn Thị Minh N7.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12/6/2018 của bà Nguyễn Thị T, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị H, người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:

Nguồn gốc căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ là của cụ Nguyễn L3 và cụ Nguyễn Thị D4, cụ D4 là em gái ruột của ông nội bà là cụ Nguyễn Văn M9, là cô ruột của bố bà là ông Nguyễn Văn N10. Mặc dù nhà và quyền sử dụng đất nói trên là của cụ D4 nhưng gia đình bà bao gồm: Ông N10 (cha của bà), bà C6 (mẹ của bà) và 09 người con cùng được sinh ra, sống tại căn nhà nói trên từ năm 1942 đến nay, không có ai tranh chấp gì.

Đến sau năm 2016 khi xảy ra mâu thuẫn giữa ông D và bà T2 được Công an Phường x1, thành phố Đ giải quyết, lúc này bà T2, anh V tuyên bố tại Công an Phường x1, thành phố Đ là sẽ đuổi hết toàn bộ anh, em, con, cháu của gia đình bà gồm 16 người ra khỏi nhà đất nói trên, lúc đó bà mới phát hiện nhà và đất nói trên đứng tên vợ chồng ông H7, bà T2. Sau khi tìm hiểu bà được biết vợ chồng ông H7, bà T2 đã khai gian dối về việc ông H7 là con duy nhất của ông N10 và bà C6, trong khi đó ông N10, bà C6 có 09 người con chung đồng thời căn cứ vào giấy ủy quyền của cụ D4 để được cấp quyền sở hữu sử dụng đất đối với nhà và quyền sử dụng đất nói trên. Giấy ủy quyền được của cụ D4 do bà Diệp Thanh T2 viết và được chính quyền địa phương xác nhận với nội dung cụ D4 đang rất yếu, không có khả năng suy xét.

Ngoài ra Giấy ủy quyền này lập ngày 14/5/1980 thì ngày 16/5/1980 cụ D4 chết, tức là chỉ sau hai ngày, như vậy một người đang hấp hối là thuộc trường hợp không minh mẫn nên tờ giấy nói trên là không hợp lệ. Uỷ ban nhân dân thành phố Đ lại căn cứ vào các lời khai của ông H7 về việc ông là con duy nhất là không đúng với quy định của pháp luật. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho vợ chồng ông H7, bà T2 ngày 15/11/2004.

2. Hủy bản di chúc do vợ chồng ông H7, bà T2 lập ngày 06/12/2012, được Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng T15) công chứng số 2295, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày. Tuyên bố văn bản công chứng đối với di chúc giữa vợ chồng ông H7, bà T2 và anh V, anh Q, chị Y, cháu T10 là vô hiệu.

3. Công nhận nhà và quyền sử dụng đất nói trên thuộc quyền sở hữu của chín (09) anh chị em bà là ông H7, bà T, bà C, ông H8, bà H, ông D, ông C1, bà T5 và ông T6 (là những người đang chiếm hữu đối với nhà và quyền sử dụng đất nói trên, mặc dù không thuộc hàng thừa kế của cụ D4 nhưng lại là những người trực tiếp quản lý tài sản nói trên đến nay đã hơn 72 năm).

Theo bà Diệp Thanh T2, anh Nguyễn Vy Bá V, ông Nguyễn Phúc Q trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 10, đường N không phải tài sản của cha mẹ chồng bà T2, tài sản này thuộc quyền sở hữu của cụ Nguyễn L3 và cụ Nguyễn Thị D4, xây cấp theo Giấy phép số 1068/DM -13/4/1940 và 1447/tg-14/3/1944. Họa đồ được duyệt ngày 13/4/1940 và 14/3/1944. Cụ Nguyễn L3 chết năm 1958, cụ Nguyễn Thị D4 chết năm 1980 (không có con cái), trước khi mất cụ D4 đã làm đơn cho ông Nguyễn Văn H7 quyền sở hữu căn nhà số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ (ông H7 là cháu kêu cụ D4 bằng cô ruột và bà đã nuôi, nhận ông làm con nuôi từ nhỏ), đơn đề nghị ngày 14/5/1980, tổ dân phố xác nhận ngày 16/5/1980.

Ông Nguyễn Văn H7 đã làm đơn xin hợp thức hóa quyền sở hữu nhà ngày 7/7/1985; có biên bản họp tổ dân phố xác nhận và Ủy ban nhân dân Phường x1, thành phố Đ chứng thực ngày 17/7/1985. Sau đó Đoàn kiểm tra nhà cửa của tỉnh họp ngày 13/7/1985 đề xuất cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà này cho ông Nguyễn Văn H7, bà Diệp Thanh T2 (đã trước bạ chuyển quyền thừa kế trên phiếu xác minh nhà cửa ngày 18/6/1987), cụ D4 chỉ cho duy nhất vợ chồng ông H7 chứ không phải cho tất cả 09 anh chị em của ông H7. Vì ông H7 thương các em nên đã cho vô sống cùng trong căn nhà trên. Từ khi được nhận căn nhà trên việc tu bổ, sửa sang lại căn nhà chỉ có gia đình bà T2 bỏ tiền ra sữa chữa, cải tạo, còn các em ông H7 ở thì họ tự ngăn phòng để tiện sinh hoạt, vì vậy bà T2, ông V không đồng ý chia tài sản trên cho 08 người anh em của ông H7, gia đình bà T2, anh V chỉ có trách nhiệm hỗ trợ khoản chi phí mua vật liệu để ngăn phòng trong quá trình sinh sống tại căn nhà số 10, đường N nói trên. Đối với yêu cầu hủy di chúc của vợ chồng bà T2, ông H7 lập ngày 06/12/2012 tại Văn phòng công chứng Đ thì đây là tài sản của vợ chồng ông H7, bà T2 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận từ năm 1987 sử dụng ổn định cho đến nay, đất không lấn chiếm, không tranh chấp vì vậy việc vợ chồng ông H7, bà T2 lập di chúc để lại tài sản của mình cho các con là hợp tình, hợp lý và không trái quy định pháp luật. Do đó bà T2, anh V không đồng ý và cũng xác định bản di chúc nói trên là đúng theo sự tự nguyện của ông H7, bà T2.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho vợ chồng ông H7, bà T2 ngày 15/11/2004 là đúng theo quy định pháp luật, tài sản có nguồn gốc do vợ chồng ông H7, bà T2 được thừa kế của cụ Nguyễn Thị D4 vì vậy bà T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận nói trên là không có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà Diệp Thanh T2, anh Nguyễn Vy Bá V. Đồng thời, công nhận ông Nguyễn Văn H7 và bà Diệp Thanh T2 là chủ sở hữu hợp pháp đối với căn nhà trên.

Bà Nguyễn Thị Mai T7, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Công T6, cháu Nguyễn Hồ Vĩnh H12, cháu Nguyễn Hồ Vĩnh H11, ông Nguyễn Văn H8, cháu Nguyễn Đăng Quang M14, cháu Nguyễn Đăng Quang M13, bà Nguyễn Thị Thu T5, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn C1, anh Đào Mai S, bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Ánh N2, ông Nguyễn Đăng P thống nhất với đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn.

Theo người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ của hai cụ Nguyễn Thị D4 – Nguyễn Văn L3, cụ thể như sau:

Ngày 19/6/1987 Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 1003/NĐ/XDQ7 cho ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2 với nội dung:"...Nhà cấu trúc loại cấp III, hạng 4, còn 50%, nền ciment, vách xây gạch, mái ngói, tổng diện tích 184m^2. Sử dụng chính

140m^2...". Tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 1003/NĐ/XDQ7 thể hiện nội dung: "... Nguồn gốc căn nhà do bà Nguyễn Thị D4 và chồng Nguyễn Văn L3 xây cất theo Giấy phép số 1068/DM 13/4/1940 và 147/Ag ngày 14/3/1944. Họa đồ được duyệt ngày 13/4/1940 và 14/3/1944. Ông Nguyễn Văn L3 chết năm 1958, bà Nguyễn Thị D4 chết năm 1980 (không có con cái). Trước khi chết bà Nguyễn Thị D4 đã làm đơn cho anh Nguyễn Văn H7 quyền sở hữu căn nhà số 10 N (ông H7 là cháu kêu bà D4 bằng cô ruột mà bà đã nuôi làm con từ nhỏ), đơn đề ngày 14/5/1980, tổ dân phố xác nhận ngày 16/5/1980. Ông Nguyễn Văn H7 đã làm đơn xin hợp thức hoá quyền sở hữu nhà ngày 07/7/1985, có biên bản họp tổ dân phố xác nhận và Ủy ban nhân dân Phường x1, thành phố Đ chứng thực ngày 17/7/1985. Đoàn kiểm tra nhà cửa của tỉnh họp ngày 12/7/1985 đề xuất cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà này cho ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2...".

Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 1003/NĐ/XDQ7 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2; ngày 03/5/1997, ông Nguyễn Văn H7 có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 10 N, Phường x1, thành phố Đ.

Ngày 28/5/2001 Phòng Xây dựng - giao thông Đ chủ trì phối hợp Phòng nhà đất – Địa chính, Ủy ban nhân dân Phường x1 lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới kích thước thửa đất thống nhất cùng ký xác nhận về ranh giới sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H7 (đính kèm hồ sơ hiện trạng nhà và sơ đồ hiện trạng nhà ở, đất của ông Nguyễn Văn H7).

Xét tờ trình số 425(2)/TT/NĐ-ĐC ngày 30/5/2005 của Phòng Nhà đất – Địa chính về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông,bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2 tại số 10 N, Phường x1, thành phố Đ; ngày 15/11/2004, Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 cho ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2 với nội dung như sau: Về nhà ở tổng diện tích sử dụng 252,63m^2, diện tích xây dựng 155,02m^2, kết cấu nhà nền gạch + xi măng, tường xây, cột BTCT, mái tôn, số tầng: 1 trệt +1 lầu+gác. Về đất ở thửa đất số 92, tờ bản đồ số 3, diện tích 155,02m^2).

Quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố Đ đối với việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4201011286 thì nguồn gốc căn nhà số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ được các cơ quan xác minh tại Giấy chứng nhận quyền sỡ hữu nhà cửa số 1003/NĐ/XDQ7 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 19/6/1987 với nôi dung: Nguồn gốc do bà Nguyễn Thị D4 và chồng Nguyễn Văn L3 xây cất theo giấy phép số 1068/DM 13/4/1940 và 1447/Ag ngày 14/3/1944. Họa đồ được duyệt ngày 13/4/1940 và 14/3/1944. Ông Nguyễn Văn L3 đã chết năm 1958, bà Nguyễn Thị D4 đã chết năm 1980 (không có con cái). Trước khi chết bà Nguyễn Thị D4 đã làm đơn cho ông Nguyễn Văn H7 quyền sỡ hữu căn nhà số 10 N (ông H7 là cháu kêu bà D4 bằng cô ruột mà bà đã nuôi làm con nuôi từ nhỏ), đơn đề ngày 14/5/1980, tổ dân phố xác nhận ngày 16/5/1980.

Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 1003/NĐ/XDQ7 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2 và đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 10, N, Phường x1, thành phố Đ của ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2, Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 ngày 15/11/2004 cho ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2.

Việc trước đây các cơ quan chức năng lập thủ tục trình cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 ngày 15/11/2004 cho ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2 thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 3, Phường x1, thành phố Đ đúng theo đối tượng, hồ sơ kê khai đăng ký sử dụng đất của ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2 và đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đô thị và trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2.

Do vậy đối với việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004 cho ông, bà Nguyễn Văn H7 – Diệp Thanh T2 là không có cơ sở xem xét.

Ủy ban nhân dân thành phố Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Theo người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng T15 trình bày: Di chúc do vợ chồng ông H7, bà T2 lập được Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng T15) công chứng số 2295, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/12/2012; việc công chứng di chúc nói trên đúng trình tự, quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh N7 trình bày: Bà N2 là con ruột của ông Nguyễn Văn N10 (sinh năm 1929) cùng những người anh chị em cùng cha khác mẹ là ông Nguyễn Văn H7, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H8, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Thu T5, ông Nguyễn Công T6, bà Nguyễn Thị L15, bà Nguyễn Thị Minh H14. Trong đó có chị Nguyễn Thị L15 và chị Nguyễn Thị Minh H14 từ nhỏ đã mất tích không rõ hiện nay còn sống hay đã chết.

Năm 2006, bố bà là ông N10 chết bà có lên Đ chịu tang cha nhưng những người anh chị em trong nhà không đề tên bà trong cáo phó khiến mâu thuẫn gia đình nảy sinh từ đó.

Năm 2020, bà được biết các anh chị em trên khởi kiện chia tài sản thuộc sở hữu chung và được Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết nhưng thiếu bà là đồng thừa kế theo pháp luật. Bà đã làm đơn bổ sung

đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và được Tòa án chấp nhận và hủy bản án sơ thẩm giao về giải quyết lại.

Nay bà có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là căn nhà và đất tọa lạc tại số 10 N, Phường x1, thành phố Đ đã được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 420111286 ngày 15/11/2004 thuộc quyền sở hữu của bà và 9 anh chị em khác gồm: Ông H7, bà T, bà C, ông H8, bà H, ông D, ông C1, bà T5, ông T6.

Yêu cầu chia di sản thuộc sở hữu chung đối với căn nhà và đất trên. Ngoài ra, bà N2 không trình bày gì thêm.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm lần 1 số: 15/2019/DSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "Yêu cầu công nhận tài sản thuộc sở hữu chung và chia tài sản thuộc sở hữu chung" đối với căn nhà ở có diện tích 252,63m^2 kết cấu nền gạch xi măng, tường xây, cột bê tông cốt thép, sàn gỗ, mái ngói, một trệt, một lầu và gác tọa lạc trên lô đất có diện tích 155,02m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 3 tại số 10 đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu này.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức" đối với bà Diệp Thanh T2, anh Nguyễn Vy Bá V.

- Xác định căn nhà ở có diện tích 252,63m^2 kết cấu nền gạch xi măng, tường xây, cột bê tông cốt thép, sàn gỗ, mái ngói, một trệt, một lầu và gác tọa lạc trên lô đất có diện tích 155,02m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 3 tại Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Văn L3 (Nguyễn L3), cụ Nguyễn Thị D4.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004 cho ông Nguyễn Văn H7, bà Diệp Thanh T2 đối với căn nhà có diện tích 252,63m^2 kết cấu nền gạch xi măng, tường xây, cột bê tông cốt thép, sàn gỗ, mái ngói, một trệt, một lầu và gác tọa lạc trên lô đất có diện tích 155,02m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 3 tại Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Tuyên bố văn bản di chúc của vợ chồng ông Nguyễn Văn H7, bà Diệp Thanh T2 do Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng T15) chứng thực số 2295, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/12/2012 đối với căn nhà có diện tích 252,63m^2 kết cấu nền gạch xi măng, tường xây, cột bê tông cốt thép, sàn gỗ, mái ngói, một trệt, một lầu và gác tọa lạc trên lô đất có diện tích 155,02m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 3 tại Số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vô hiệu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án Dân sự phúc thẩm lần 1 số: 651/2020/DSPT ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao Tại Thành Phố Hồ Chí Minh đã hủy Bản án Dân

sự sơ thẩm số: 15/2019/DSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung; Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức" đối vớibị đơn bà Diệp Thanh T2 và anh Nguyễn Vy Bá V.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Minh N7 về việc"Yêu cầu công nhận tài sản thuộc sở hữu chung và chia tài sản thuộc sở hữu chung" đối với bà Diệp Thanh T2, anh Nguyễn Vy Bá V.

- Xác định căn nhà ở có diện tích 252,63m^2 kết cấu nền gạch xi măng, tường xây, cột bê tông cốt thép, sàn gỗ, mái ngói, một trệt, một lầu và gác tọa lạc trên lô đất có diện tích 155,02m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 3 tại số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Văn L3 (Nguyễn L3), cụ Nguyễn Thị D4.

Xác định căn nhà ở có diện tích 252,63m^2 kết cấu nền gạch xi măng, tường xây, cột bê tông cốt thép, sàn gỗ, mái ngói, một trệt, một lầu và gác tọa lạc trên lô đất có diện tích 155,02m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 3 tại số 10 đường N, Phường X1, thành phố Đ thuộc sở hữu chung của 11 người là: bà C6, ông N10, ông H7, bà T, bà C, ông H8, bà H, ông D, ông C1, bà T5 và ông T6.

Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Thu T5, ông Nguyễn Công T6, ông Nguyễn Văn H7 (chết), ông Nguyễn Văn H8, ông Nguyễn Văn N10 (chết), bà Nguyễn Thị C6 (chết) mỗi người được hưởng 2.447.858.181 đồng theo phần được chia.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004 cho ông Nguyễn Văn H7, bà Diệp Thanh T2 đối vớicăn nhà có diện tích 252,63m^2 kết cấu nền gạch xi măng, tường xây, cột bê tông cốt thép, sàn gỗ, mái ngói, một trệt, một lầu và gác tọa lạc trên lô đất có diện tích 155,02m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 3 tại số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ.

- Tuyên bố văn bản di chúc của vợ chồng ông Nguyễn Văn H7, bà Diệp Thanh T2 do Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng T15) chứng thực số 2295, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/12/2012 đối với căn nhà có diện tích 252,63m^2 kết cấu nền gạch xi măng, tường xây, cột bê tông cốt thép, sàn gỗ, mái ngói, một trệt, một lầu và gác tọa lạc trên lô đất có diện tích 155,02m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 3 tại số 10, đường N, Phường X1, thành phố Đ vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 29/6/2022 bà Nguyễn Thị H (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: (i) Bổ sung nội dung đối với phần của bà C6 và ông N10 đã chết tạm giao cho bà H được quyền quản lý phần tài sản chung của ông N10 có giá trị 2.447.858.181 đồng và của bà C6 có giá trị 2.447.858.181 đồng; (ii) Xác định diện tích sàn là 315,79m^2 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 19/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ; (iii) Đính kèm Bản án là họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 19/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ.

- Ngày 27/6/2022 bị đơn ông Nguyễn Vy Bá V kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm tố tụng.

- Ngày 27/6/2022 bị đơn bà Diệp Thanh T2; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Phúc Q, bà Nguyễn Diệp Thanh Y, bà Nguyễn Ngọc Bảo T10, bà Lâm Ngọc Thiên H9 kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Ngày 27/6/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên qua bà Nguyễn Thị Minh N7 (có ông Lê Quốc H17 là đại diện theo ủy quyền) kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về việc định đoạt công nhận và chia tài sản chung, xác định tài sản đang tranh chấp là di sản của cụ D4 và chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận nội dung đã nêu trong đơn kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện "Đơn xin ủy quyền nhà" ngày 14/5/1980 không thể hiện ý chí cụ D4, dấu vân tay không phải của cụ D4 nên không hợp pháp. Uỷ ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H7, bà T2 theo giấy ủy quyền này là không đúng quy định pháp luật. Theo quy định Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015 thì người chiếm hữu ngay tình 30 năm đối với bất động sản thì ông N10, bà C6 và 09 người sử dụng căn nhà từ năm 1942 đến nay nên được công nhận quyền sở hữu theo. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H7, bà T2 là có căn cứ. Vì ông H7, bà T2 không có quyền sở hữu sử dụng hợp pháp đối với nhà đất nên việc ông H7 bà T2 lập di chúc cho căn nhà trên cho các con là không đúng. Mặt khác hiện nay bà T2 còn sống nên di chúc chưa phát sinh hiệu lực. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bổ sung nội dung đối với phần của bà C6 và ông N10 đã chết tạm giao cho bà H được quyền quản lý phần tài sản chung của ông

N10 có giá trị 2.447.858.181 đồng và của bà C6 có giá trị 2.447.858.181 đồng; Xác định diện tích sàn là 315,79m^2 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 19/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ; Đính kèm Bản án là họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 19/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc tài sản tranh chấp là của cụ L3, cụ D4. Hai cụ chết không có con cái nên xác định đương sự trong vụ án là hàng thứ 3 là không phù hợp. Vì cụ L3 cụ D4 có con là Nguyễn Văn Q3, có văn bản nhận con nuôi, như vậy tài sản này là di sản thừa kế của cụ L3 và cụ D4 để lại cho ông Q3, nếu ông Q3 chết không vợ con thì cha mẹ ruột ông Q3 là người thừa kế, nếu không có thì anh chị em, cháu chít chắt ông Q3. Như vậy nhánh ông Q3 mới là người thừa kế của cụ L3, cụ D4. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản trả lời xác định những người này không thuộc hàng thừa kế cụ L3 cụ D4 trong vụ án tranh chấp đối với căn nhà số 16, là vụ án tương tự với vụ án này. Tại phiên tòa phúc thẩm lần 1, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn đã đưa ra 25 ý kiến nhưng khi trả hồ sơ về để xét xử lại, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ những vấn đề này. Mặc dù việc cung cấp chứng cứ là nghĩa vụ của đương sự, nhưng khi cần thiết Tòa án phải thu thập nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện là vi phạm tố tụng. Bản án sơ thẩm nhận định 11 người là đồng sở hữu giao tài sản cho những người đang sinh sống tại căn nhà quản lý, nhưng phần quyết định không nêu cụ thể, dẫn đến không thi hành án được. Tòa án cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện cho các đương sự vụ án khác là không giải quyết triệt để vụ án.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cụ D4 không có khả năng suy xét không minh mẫn khi làm đơn ủy quyền, nhưng hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện cụ D4 mất năng lực hành vi dân sự. Theo kết quả giám định thì dấu vân tay không có điểm chung nhưng tài liệu này ghi rất rõ không được phục vụ cho quá trình xét xử. Có thể dấu vân tay trong căn cước là ngón khác, dấu vân tay bằng ngón khác, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng, đánh giá chứng cứ này là không chính xác.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm tuyên di chúc vô hiệu, nếu xác định tài sản này không còn là của người lập di chúc thì phải tuyên hủy di chúc, chứ không phải tuyên di chúc vô hiệu.

Từ những phân tích trên, đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì có vi phạm tố tụng, thiếu người tham gia tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh N7 phát biểu: Tài sản tranh chấp là di sản thừa kế của cụ L3, cụ D4. Do cụ D4 chết trước 10/7/1991 theo văn bản hướng dẫn và tính toán của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì đến năm 2023 mới hết thời hiệu chia thừa kế. Bà N2 là con ông N10 và bà T18, bà T18 là hôn nhân thực tế của ông N10 nên phải đưa người con của bà T18 vào tham gia tố tụng do bà T18 đã chết năm 2012 để xác định thêm người thừa kế của ông N10. Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về việc đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đã cấp cho ông H7, bà T2. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, để giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp căn cước ông Nguyễn Văn Q3 thể hiện là con của cụ L3, cụ D4. Theo xác minh của Uỷ ban nhân dân phường cho rằng trong sổ quản lý của phường theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp thì Uỷ ban nhân dân phường quản lý từ năm 1975. Vấn đề này có ý nghĩa trong việc xác định tài sản đang tranh chấp là di sản thừa kế hay tài sản chung, nhưng chưa thực hiện được các thủ tục tố tụng liên quan đến việc xác minh nội dung này. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, nội dung này trùng ý kiến với của các bên về việc bản án sơ thẩm tuyên không thể thi hành án, đưa sót người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hoặc xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nhà đất tại số 10 đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng được Uỷ ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201011286 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004 cho ông Nguyễn Văn H7, bà Diệp Thanh T2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (có bà Nguyễn Thị H là đại diện theo ủy quyền) cho rằng nhà đất trên là tài sản chung của hộ gia đình ông Nguyễn Văn N10 (sinh năm 1924, chết năm 2006), bà Nguyễn Thị C6 (sinh năm 1924, chết năm 2002) và 09 người con gồm các ông bà Nguyễn Văn H7 (sinh năm 1946, chết năm 2014), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn H8, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Thu T5, Nguyễn Công T6, Nguyễn Thị H nên khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông H7, bà T2, hủy di chúc của ông H7 bà T2, công nhận và chia tài sản chung đối với nhà, đất trên. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cùng ý kiến với bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Căn nhà số 10 đường N, Phường x1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là của cụ Nguyễn Thị D4 và cụ Nguyễn L3 (Nguyễn Văn L3) xây cất theo Giấy phép số 1068/DM ngày 13/4/2940 và số 1447/Ag ngày 14/3/1944 theo họa đồ được phê duyệt vào các ngày 13/4/2940 ngày 14/3/1944.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận ý kiến đương sự và nhận định như sau: "*Vợ chồng cụ Nguyễn Thị D4 (sinh năm 1903, chết năm 1980) và cụ Nguyễn L3 (Nguyễn Văn L3) (chết năm 1958) sinh sống với nhau không có con, cha mẹ của các cụ đã chết từ lâu; Cụ D4 có anh trai là cụ Nguyễn Văn M9, vợ chồng cụ M9 có con trai là ông Nguyễn Văn N10; Vợ chồng ông Nguyễn Văn N10 (sinh năm 1924, chết năm 2006), bà Nguyễn Thị C6 (sinh năm 1924, chết năm 2002) có 09 người con là ông Nguyễn Văn H7 (sinh năm 1946, chết năm 2014), bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H8, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Thu T5, ông Nguyễn Công T6, bà Nguyễn Thị H và có 01 con riêng là bà Nguyễn Thị Minh N7 là con của bà Nguyễn Thị Thương và ông Nguyễn Văn N10 (bà T18 không có giấy đăng ký kết hôn với ông N10 và bà T18 chết ngày 17/11/2012). Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định cụ L3 và cụ D4 không có con cái, nên ông N10 (cháu gọi cụ D4 bằng cô ruột) là người thuộc hàng thừa kế thứ ba của cụ D4 và được quyền hưởng di sản thừa kế do cụ D4 để lại trong trường hợp trước khi chết cụ D4 không lập di chúc để lại di sản cho người khác hoặc di chúc không hợp pháp. Do hiện nay ông N10 đã chết nên các con của ông N10, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N10, được hưởng phần di sản thừa kế mà lẽ ra khi còn sống ông N10 được hưởng của cụ D4. Bà C6 (vợ ông N10) chết trước ông N10, hàng thừa kế thứ nhất của bà C6 chỉ có ông N10 và các con; do vậy đối với phần di sản thừa kế của bà C6 để lại (nếu có) sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật*".

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo quy định của pháp luật thì đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong các trường hợp: Tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình tổ chức, tài sản chung của vợ chồng; Hoặc tài sản là di sản thừa kế nhưng đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Trong vụ án này, nguồn gốc nhà đất mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận và chia tài sản chung là di sản thừa kế cụ L3 và cụ D4 để lại. Do đó, cần phải làm rõ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung thuộc trường hợp tài sản chung của hộ gia đình hay là di sản thừa kế nhưng hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: "*Do cụ L3 chết từ rất lâu, cụ M9 chết trước cụ D4, cụ D4 không có người chồng hay con nào khác, tại thời điểm cụ D4 chết ông N10 còn sống nên ông N10 (cháu gọi cụ D4 bằng cô ruột) là người thuộc hàng thừa kế thứ ba của cụ D4 và được quyền hưởng di sản thừa kế do cụ D4 để lại trong trường hợp trước khi chết cụ D4 không lập di chúc để lại di sản cho người khác hoặc di chúc không hợp pháp. Do hiện nay ông N10 đã chết nên các con của ông N10, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N10, được hưởng phần di sản thừa kế mà lẽ ra khi còn sống ông N10 được hưởng của cụ D4*". Theo nội dung nhận định trên thì căn cứ để nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu đối với tài sản của cụ L3 và cụ D4 là quan hệ thừa kế (Ông N10 nhận thừa kế từ cụ D4 và cụ L3, hàng thừa kế thứ nhất của ông N10 nhận thừa kế từ ông N10). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét,

nhận định về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế nhưng đã xác định quan hệ tranh chấp là chia tài sản chung là chưa đủ căn cứ.

[3.2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: "*Nguồn gốc căn nhà và đất nói trên là của cụ D4 nhưng gia đình bà bao gồm: ông N10 (cha của bà), bà C6 (mẹ của bà) và chín người con cùng được sinh ra, sống tại căn nhà nói trên từ năm 1942 đến nay, không có ai tranh chấp gì. Đến năm 1987 cả gia đình ông N10 và bà C6 cùng đưa 8 người con về Cần Thơ sinh sống nhưng do điều kiện sống không phù hợp nên ông N10, bà C6 đã dẫn 8 người con là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H8, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Thu T5, ông Nguyễn Công T6, bà Nguyễn Thị H quay trở lại sống tại căn nhà từ đó cho đến nay. Bà Nguyễn Thị C6 chết năm 2002, đến năm 2006 ông N10 chết không để lại di chúc, theo giấy chứng nhận đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Văn N10 ngày 14/10/1987 thì nhân khẩu lúc đó gồm có: ông N10, bà C6, bà T, bà C, bà Hiệp, ông D, ông C1, bà T5, bà H, ông T6, bà T7 cùng sinh sống trên căn nhà và đất trên từ đó cho đến nay*". Từ đó, xác định nhà đất trên thuộc sở hữu chung của hộ gia đình ông N10.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thời gian chiếm hữu, sử dụng tài sản để xác lập quyền sở hữu nhà, đất trên cho hộ gia đình ông N10. Theo quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự thì việc xác lập quyền sở hữu tài sản theo thời hiệu chiếm hữu là cho người chiếm hữu ngay tình nhưng không có căn cứ pháp luật. Trong khi đó, theo nhận định của Bản án sơ thẩm về quyền khởi kiện của nguyên đơn thì việc gia đình ông N10 chiếm hữu, sử dụng tài sản là do ông N10 là cháu của cụ D4, là hàng thừa kế thứ ba của cụ L3, cụ D4, là chiếm hữu có căn cứ pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có mâu thuẫn trong nhận định, đánh giá chứng cứ và áp dụng quy định pháp luật. Ngoài ra, do không xác định căn cứ nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung trong trường hợp nào đã gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[3.3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản đang tranh chấp là tài sản chung của 11 người sinh sống tại căn nhà trên theo sổ hộ khẩu thời điểm năm 1987, trong đó có ông N10. Bà N2 (và các anh chị em của bà N2 là con của ông N10) sẽ là người thừa kế của ông N10 theo quy định pháp luật. Do vậy, nếu trường hợp tài sản này là tài sản chung thì bà N2 và các anh chị em bà N2 (là con ông N10) vẫn được hưởng thừa kế đối với phần tài sản thuộc sở hữu của ông N10 trong tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N2 là không đúng.

[3.4] Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cung cấp bản chính Giấy thế vì ngày 26/02/1944 của Sở Tư pháp Nam Việt – Quốc gia Việt Nam và Thẻ căn cước số 03137862 của Việt Nam Cộng Hòa có nội dung thể hiện: Nguyễn Q3, sinh năm 1939, có cha tên Nguyễn L3 (Nguyễn Văn L3) và mẹ tên Nguyễn Thị D4. Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có từng nghe tên Nguyễn Q3 là con cụ D4 và cụ L3, nhưng ông Q3 đã chết rất lâu và không có thông tin về địa chỉ nhân thân của ông Q3. Chứng cứ này là cơ sở để xác định nội dung nhận định: "*Do cụ L3 chết từ rất*

lâu, cụ M9 chết trước cụ D4, cụ D4 không có người chồng hay con nào khác, tại thời điểm cụ D4 chết ông N10 còn sống nên ông N10 (cháu gọi cụ D4 bằng cô ruột) là người thuộc hàng thừa kế thứ ba của cụ D4 và được quyền hưởng di sản thừa kế do cụ D4 để lại trong trường hợp trước khi chết cụ D4 không lập di chúc để lại di sản cho người khác hoặc di chúc không hợp pháp" của bản án sơ thẩm là chưa chính xác. Ngoài ra, tại văn bản số 168/UBND ngày 24/3/2022 của Uỷ ban nhân dân Phường x1 thành phố Đ thì không có thông tin đăng ký khai sinh và khai tử của ông Nguyễn Q3 sinh năm 1939, chết năm 1975, nên chưa có căn cứ nào xác định ông Q3 hiện còn sống hay đã chết, có vợ con hay không? Tài sản tranh chấp được xác định là của cụ L3 và cụ D4, nên chứng cứ mà bị đơn nêu và cung cấp có ảnh hưởng đến bản chất nội dung vụ việc, có ý nghĩa xác định về quyền khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, việc thu thập tài liệu chứng cứ về nhân thân của ông Q3 là cần thiết khi giải quyết vụ án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót về tố tụng khi giải quyết vụ án. Đồng thời, việc làm rõ nội dung chứng cứ mới mà đương sự nêu tại phiên tòa phúc thẩm có ý nghĩa đến việc giải quyết vụ án, nhưng không thể thực hiện được tại cấp phúc thẩm. Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm: Bản án sơ thẩm nhận định tài sản tranh chấp là tài sản chung của hộ gia đình ông N10 gồm 11 người, do các đương sự không thỏa thuận được người quản lý và sử dụng nên đã giao tài sản cho 09 người trong hộ gia đình ông N10 đang sử dụng nhà, đất. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên cho mỗi thành viên trong hộ gia đình ông N10 được hưởng giá trị tương ứng với phần được sở hữu theo kết quả định giá là không phù hợp với nhận định và không đảm bảo thi hành án.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Lập luận trên cũng là cơ sở để không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc hủy bản án sơ thẩm.

[6] Bản án sơ thẩm bị hủy do chưa đảm bảo quy định pháp luật về tố tụng nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến nội dung vụ án.

[7] Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Diệp Thanh T2, ông Nguyễn Phúc Q, bà Nguyễn Diệp Thanh Y, bà Nguyễn Ngọc Bảo T10, bà Lâm Ngọc Thiên H9 về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Vy Bá V, bà Nguyễn Thị Minh N7 về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H, bà Diệp Thanh T2 không phải chịu.

- Ông Nguyễn Vy Bá V, ông Nguyễn Phúc Q, bà Nguyễn Diệp Thanh Y, bà Nguyễn Ngọc Bảo T10, bà Lâm Ngọc Thiên H9, bà Nguyễn Thị Minh N7 không phải chịu, hoàn trả mỗi đương sự 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0010073 ngày 04/7/2022, 0010070 ngày 04/7/2022, 0010071 ngày 04/7/2022, 0010068 ngày 01/7/2022, 0010072 ngày 04/7/2022, 0010080 ngày 11/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- NĐ (1);
- BĐ (2);
-NLQ (23);
- Lưu (10) 41b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên